TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **79**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2017.
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Đức.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Doãn Đức Hùng,
Ông Nguyễn Huy Giáp.
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền-Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Kiều Diễm-Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về việc*"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Bà Đào Thị LA, sinh năm 1973.
Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
Tạm trú: số nhà 112, đường X, Khu phố Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

-*Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1972.
Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(Bà LA có mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đào Thị LA trình bày:

Bà LA và ông Nguyễn Hữu T kết hôn với nhau năm 1995, trên cơ sở tự nguyện, nhưng đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống ban đầu bình thường nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ chồng có lối sống, tính cách

không phù hợp, thường xuyên cãi vã. Bà LA đã một lần làm đơn xin ly hôn với ông T vào năm 2012 nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng không được. Nay bà LA xin ly hôn với ông T vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa.

Về con chung: Có 03 người con chung là Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1996; Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 03/5/2002; Nguyễn Thị Thảo N1, sinh ngày 04/4/2011. Ly hôn, cháu T1 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết còn bà LA xin được nuôi cháu N1 còn để ông T nuôi cháu N và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Tự hai bên thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Hữu T vắng mặt nên không có lời khai.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật.Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị LA. Bà Đào Thị LA được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thảo N1, sinh ngày 04/4/2011 cho bà LA trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng còn giao cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 03/5/2002 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp cấp dưỡng nuôi con: bà LA, ông T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Do chị LA khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về án phí HNGĐ-ST: Bà LA phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Ngày 23/5/2017, bà Đào Thị LA nộp đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện T thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã tiến hành triệu tập đương sự trong vụ án để làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị LA và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh

Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: số 90/2005 ngày 12/9/2005 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà LA xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã một lần làm đơn xin ly hôn với ông T vào năm 2012 nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng không được. Tòa án đã tiến hành triệu tập ông T nhiều lần để làm việc hòa giải nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân trên. Xét thấy, vợ chồng bà LA, ông T không còn chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình nên tình trạng hôn nhân giữa bà LA, ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà LA xin ly hôn với ông T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà LA, ông T có 03 người con chung tên Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1996; Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 03/5/2002; Nguyễn Thị Thảo N1, sinh ngày 04/4/2011. Ly hôn, cháu T1 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu N cũng như ý kiến của bà LA về con chung, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Nguyễn Thị Thảo N1, sinh ngày 04/4/2011 cho bà LA trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng còn giao cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 03/5/2002 cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà LA, ông T mỗi người nuôi một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến trình bày của ông T nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[7]. Về án phí: Bà Lan Anh phải nộp án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị LA. Bà Đào Thị LA được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1996 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết. Giao cháu Nguyễn Thị Thảo N1, sinh ngày 04/4/2011 cho bà LA trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng còn giao cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 03/5/2002 cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đào Thị LA và ông Nguyễn Hữu T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Bà LA, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với người con không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

5. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Đào Thị LA phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 5300 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

6. Về quyền kháng cáo: Bà LA được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Trảng Bom;*
- *THADS huyệnTrảng Bom;*
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *UBND xã Đ (GCNKH số: 90/2005 ngày 12/9/2005)*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bá Đức